TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 9 - 2023
V/v tranh chấp " hôn nhân và gia đình, ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Tố Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương;

2. Bà Lê Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Thanh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST-HN ngày 09 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2023/QĐST-HN ngày 26 tháng 6 năm 2023 và các Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Lê Mai Ngọc H, sinh năm 1999, nơi cư trú: 18/4, khóm Thới A, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Lim Su C, sinh năm 1970, nơi cư trú: San 4beon, Goejeong-dong Saha, Busan, Hàn Quốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Lê Mai Ngọc H trình bày:

Bà H và ông Lim Su C quen nhau do mai mối, tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang, giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 23-9-2019. Sau khi kết hôn được 2 ngày thì ông Lim Su C về Hàn Quốc. Đến tháng 5 năm 2020 ông C bảo lãnh bà H sang Hàn Quốc sống chung được 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn do ông Lim Su C thường uống rượu rồi đuổi

bà H về nước, không giao tiếp được với nhau, bất đồng ngôn ngữ. Nay bà H làm đơn khởi kiện ly hôn với ông Lim Su C

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lim Su C đã được Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp, tống đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc của Tòa án. Tuy nhiên, cơ quan có thẩm quyền của Cục Quản lý Tòa án quốc gia, Đại Hàn Dân Quốc không thực hiện được việc ủy thác tư pháp nêu trên: Do không có người nhận tại địa chỉ được yêu cầu, nhưng đến nay ông Lim Su C không đến Tòa án và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai. Chủ tọa phiên tòa công bố các đơn và tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn, ông Lim Su C, quốc tịch Hàn Quốc, cư trú tại San 4beon, Goejeong-dong Saha, Busan, Hàn Quốc. Nguyên đơn cư trú tại phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án hôn nhân và gia đình không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên không có Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Nguyên đơn bà Lê Mai Ngọc H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn, ông Lim Su C có địa chỉ tại Hàn Quốc nhưng cơ quan có thẩm quyền của Cục Quản lý Tòa án quốc gia, Đại Hàn Dân Quốc không thực hiện được ủy thác tư pháp tống đạt hồ sơ trực tiếp (Thông báo thụ lý và Lịch xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang). Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã đề nghị Đại sự quán Việt Nam tại Seoul, Hàn Quốc thông báo trên Cổng thông tin điện tử về việc thụ lý giải quyết vụ án, đồng thời đăng thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao từ ngày 18-7-2023 đến nay đã quá thời hạn 01 tháng, Tòa án chưa nhận được ý kiến của ông Lim Su C về vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 228; điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân của bà Lê Mai Ngọc H và ông Lim Su C có quan hệ hôn nhân, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thành Phố L, tỉnh An Giang

giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 23-9-2019 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn khởi kiện ly hôn và trình bày nguyên nhân xin ly hôn là do phát sinh mâu thuẫn do ông Lim Su C thường uống rượu rồi đuổi bà H về nước, không giao tiếp được với nhau, bất đồng ngôn ngữ.

Bị đơn, ông Lim Su C có địa chỉ tại Hàn Quốc nhưng cơ quan có thẩm quyền của Cục Quản lý Tòa án quốc gia, Đại Hàn Dân Quốc không thực hiện được ủy thác tư pháp tống đạt hồ sơ trực tiếp (Thông báo thụ lý và Lịch xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang). Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã đề nghị Đại sự quán Việt Nam tại Seoul, Hàn Quốc thông báo trên Cổng thông tin điện tử về việc thụ lý giải quyết vụ án, đồng thời đăng thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao từ ngày 18-7-2023 đến nay đã quá thời hạn 01 tháng, Tòa án chưa nhận được ý kiến của ông Lim Su C về vụ án.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung đã không còn trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn bị đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Không có.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[6] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp là 200.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; Điều 273; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Mai Ngọc H.

1. Bà Lê Mai Ngọc H được ly hôn với ông Lim Su C.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Lê Mai Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000101 ngày 03-02-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Lê Mai Ngọc H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về lệ phí ủy thác tư pháp:

Bà Lê Mai Ngọc H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), lệ phí ủy thác tư pháp, được trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0068349 ngày 07-02-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà H đã nộp đủ lệ phí ủy thác tư pháp.

Thời hạn kháng cáo của bà Lê Mai Ngọc H là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Thời hạn kháng cáo của ông Lim Su C là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang ;
- UBND thành phố L;
- Cục THA dân sự tỉnh An Giang;
- Tòa Gia đình và NCTN;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Tố Giang